

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-01-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công N tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 14/4/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Công M, sinh ngày 01/01/2017 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Công N vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Nguyễn Công N. Về con chung, giao chị Trần Thị Cẩm V được quyền nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Công N vắng mặt không lý do, phiên tòa đã mở lần hai, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Công N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện: Vào ngày 14/4/2016 chị Trần Thị Cẩm V và anh Nguyễn Công N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Theo nguyên đơn chị V trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Toà án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh N vắng mặt, anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải của Toà án nhưng vắng mặt không lý do, không gửi tường trình hoặc phản hồi ý kiến cho Toà án biết quan điểm của anh về quan hệ hôn nhân với chị V. Điều này cho thấy anh N không có nguyện vọng và mong muốn được hàn gắn với chị V. Tại phiên toà chị V giữ vững yêu cầu ly hôn nên càng khẳng định quyết tâm và nguyện vọng của chị là muốn được ly hôn với anh N. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc chị V phải tiếp tục chung sống với anh N nếu như chị không còn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giải quyết cho chị V được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Căn cứ theo trích lục khai sinh số 37/TLKS-BS ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, quá trình chung sống chị V và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Công M, sinh ngày 01/01/2017. Chị V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét. Anh N không phản hồi trực tiếp ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu M hiện đang sống cùng chị V ổn định về chỗ ở và môi trường sống, nên cần thiết giao cháu M cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp nguyện vọng con chung là cháu M được Tòa án ghi nhận vào ngày 04/11/2024 và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V giao con chung cháu M cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị V đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Nguyễn Công N.

2. Về quyền nuôi con: Giao chị Trần Thị Cẩm V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Công M, sinh ngày 01/01/2017 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Công N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm V nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004086 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, chị V đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp